

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1177/2022/DS-ST

Ngày: 29/06/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 30 tháng 5 năm 2022 và ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1708/2021/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST – DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ST**

Địa chỉ: 266-268 N, phường T, quận 3, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: ông **Lã Ngọc M** (theo Giấy ủy quyền số 127/2021/UQ-TTT ngày 04/01/2021)

(*Có mặt*)

Bị đơn: Bà **Trần Minh Đ**

Địa chỉ: 5.4 Lô A, Chung cư K, phường H, quận Bình Thạnh, TP.HCM

(*Vắng mặt không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do ông **Lã Ngọc M** – người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/10/2012, bị đơn có ký với Ngân hàng TMCP ST (gọi tắt là Ngân

hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 146.361.491 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 160.551.731 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/7/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 29/6/2022, bị đơn còn nợ ngân hàng 14.951.275 đồng trong đó nợ gốc: 6.901.660 đồng, lãi quá hạn: 8.049.615 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 14.951.275 đồng (mười bốn triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho các đương sự Điều 196 BLTTDS; vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Ngày 02/10/2012, bị đơn có ký với Ngân hàng TMCP ST (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 146.361.491 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 160.551.731 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/7/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 29/6/2022, bị đơn còn nợ ngân hàng 14.951.275 đồng trong đó nợ gốc: 6.901.660 đồng, lãi quá hạn: 8.049.615 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 14.951.275 đồng (mười bốn triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền bị đơn còn thiếu là 14.951.275 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ST

1.1 Buộc Bà Trần Minh Đ trả cho Ngân hàng TMCP ST số tiền 14.951.275 đồng (mười bốn triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), trả ngay sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày 30/6/2022, Bà Trần Minh Đ phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP ST tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất được quy định trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 747.564 đồng Bà Trần Minh Đ phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ST số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0088609 ngày 22/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh.
- THA DS Quận Bình Thạnh.
- Các đương sự
- LưuVP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ngọc Yến